

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 14 - 7 - 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Thanh;

2. Bà Trần Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 307/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2025; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 28/2025/TB-TA, ngày 25 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1959; địa chỉ (Trước khi sáp nhập xã, tỉnh): Khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình (nay là thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Đồng Thị H, sinh năm 1979 và ông Đồng Văn P, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ (Trước khi sáp nhập xã, tỉnh): Khu phố C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn – bà Phạm Thị C trình bày ý kiến khởi kiện như sau:

Bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P nhiều lần vay tiền của bà Phạm Thị C, cụ thể như sau:

Ngày 24/11/2022, vợ chồng bà H, ông P vay của bà C số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tại thời điểm vay thì hai bên có thoả thuận về thời hạn vay là 60 ngày, lãi suất bà H và ông P phải trả là 5%/tháng. Sau khi lập “Giấy mượn tiền” viết tay với nhau thì ông P và bà H đã ký tên vào mục người vay.

Ngày 16/01/2023, bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P vay tiếp của bà C số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Khi vay số tiền này thì hai bên có thoả thuận thời hạn vay là 40 ngày và lãi suất phải trả cũng 5%/tháng. Ông P, bà H cam kết sẽ trả nợ đúng hạn như thoả thuận và ký tên vào mục bên mượn tiền.

Tại thời điểm vay thêm số tiền 50.000.000 đồng của bà C thì bà H, ông P đã trả đầy đủ tiền lãi cho bà C đối với khoản vay 30.000.000 đồng vay ngày 24/11/2022. Sau khi vay thêm số tiền 50.000.000 đồng thì bà H và ông P trả lãi cho bà C được ba lần: Lần thứ nhất 5.000.000 đồng, lần thứ hai 4.000.000 đồng và lần thứ ba 3.000.000 đồng.

Hiện nay đã quá thời hạn trả nợ gốc nhưng bà H, ông P đã không trả nợ cho bà C. Mặc dù bà C đã liên hệ nhiều lần để yêu cầu trả nợ nhưng ông P, bà H đã trốn tránh và bỏ đi khỏi địa phương mà không trả nợ cho bà C và cũng không thông báo cho bà C biết địa chỉ mới. Do đó bà C yêu cầu bà H và ông P phải trả cho bà C số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/01/2023 cho đến nay theo mức lãi suất 3%/tháng.

Số tiền bà C cho bà H, ông P vay là do cá nhân bà C vay mượn của người khác cho vay lại nên không liên quan đến cá nhân tổ chức nào khác.

Ngoài ra bà C không yêu cầu gì khác.

Bị đơn – ông Đồng Văn P và bà Đồng Thị H vắng mặt tại nơi cư trú (Khu phố C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận). Trong quá trình tố tụng Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã thực hiện thủ tục thông báo việc thụ lý vụ án cho ông Đồng Văn P và bà Đồng Thị H trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cụ thể: Đ phát sóng các ngày 12, 13 và 14 tháng 12 năm 2024; Báo Công lý đăng tin trên ba số báo liên tiếp 97, 98 và 99 ra các ngày 4, ngày 6 và ngày 11 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên hết thời hạn thông báo, ông P, bà H không trực tiếp về Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh làm việc trình bày ý kiến và cũng không gửi văn bản ý kiến phản hồi, cung cấp chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C cho Tòa án biết. Do đó không có lời khai của ông P và bà H trong hồ sơ vụ án.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy mượn tiền đề ngày 24/11/2022 (DL), có ký tên người vay là Đồng Thị H và Đồng Văn P. (Bản gốc, chữ viết tay, mực viết bi màu xanh, viết trên giấy kẻ ô li); 01 giấy mượn tiền đề ngày 16/01/2023 (DL), bên mượn tiền ký tên Đồng Thị H, Đồng Văn P (Bản gốc, chữ viết tay, mực viết bi màu đen, viết trên giấy kẻ ô li).

Chứng cứ bị đơn cung cấp: Không có.

Chứng cứ Toà án thu thập: B số các số 97, 98 và 99 ra các ngày 4, ngày 6 và ngày 11 tháng 12 năm 2024; Thông tin trên Đài Tiếng nói Việt Nam phát sóng

các ngày 12, 13 và 14 tháng 12 năm 2024; Các biên bản xác minh; Biên bản lấy lời khai của đương sự; Kết luận giám định số 371/KL-KTHS, ngày 02 tháng 5 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh B; biên bản công khai chứng cứ; biên bản hoà giải không được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đủ về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 146, 147, 157, 165, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị C về việc buộc bà Đồng Thị H, ông Đồng Văn P có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị C 80.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật;

Về án phí: Ông P, bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn – bà Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đồng Văn P và bà Đồng Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà C các khoản nợ vay mà ông P, bà H đã vay của bà C vào các ngày 24/11/2022 và ngày 16/01/2023 và tiền lãi phát sinh. Ngoài yêu cầu của nguyên đơn các đương sự trong vụ án không có yêu cầu nào khác. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị C:

[3.1]. Đối với yêu cầu về việc trả tiền nợ gốc lãi theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 24/11/2022 (DL) và “Giấy mượn tiền” đề ngày 16/1/2023 (DL):

“Giấy mượn tiền” đề ngày 24/11/2022 (DL) do bà Phạm Thị Cúc cung C1 trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung “Hôm nay ngày 24/11/2022 (DL) Tôi tên: Đồng Thị H 1979 chồng: Đồng Văn P cư trú: KP C – T² Lạc Tánh- T - Bình Thuận. Hiện nay vợ chồng tôi cần vốn để làm ăn nên vợ chồng tôi có mượn cô: Phạm Thị C: K1, T² Lạc Tánh số tiền là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) thời hạn mượn là (60 ngày) vợ chồng tôi sẽ trả cho cô số tiền trên”. Người vay ký tên Đồng Thị H, Đồng Văn P.

“Giấy mượn tiền” đề ngày 16/1/2023 (DL) do bà Phạm Thị Cúc cung C1 trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung “Hôm nay ngày 16/1/2023 (DL) Tôi tên: Đồng Thị H 1979 chồng: Đồng Văn P cư trú: KP C – T² Lạc Tánh- T - Bình Thuận. Hiện nay vợ chồng tôi cần vốn để làm ăn, vợ chồng tôi Hiếu P1 có mượn cô Phạm Thị C 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thời hạn mượn là 40 ngày ngày trả là ngày 06/3/2023 vợ chồng tôi phải trả đủ 50.000.000 đ cho cô Phạm Thị C. Vậy chúng tôi thống nhất và nhất trí là chúng tôi sẽ trả đúng thời gian hai bên thống nhất”. Dưới mục “Bên mượn tiền” có ký tên và ghi “Đồng Thị H, Đồng Văn P”.

Theo nguyên đơn – bà Phạm Thị C trình bày: Các nội dung thể hiện trong các “Giấy mượn tiền” thể hiện sự thoả thuận của bên cho vay và bên vay. Ông P, bà H đã thống nhất nội dung và đồng ý ký tên vào các giấy này.

Trong quá trình tố tụng, bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P không có mặt tại địa phương nên theo yêu cầu của bà C Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã thực hiện thủ tục đăng tin thông báo việc thụ lý vụ án cho bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cụ thể: Đ phát sóng các ngày 12, 13 và 14 tháng 12 năm 2024; Báo Công lý đăng tin trên ba số báo liên tiếp 97, 98 và 99 ra các ngày 4, ngày 6 và ngày 11 tháng 12 năm 2024. Sau thời gian đăng tin thông báo, bà H và ông P không trực tiếp về Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh làm việc trình bày ý kiến và cũng không gửi văn bản ý kiến phản hồi, cung cấp chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C cho Tòa án biết.

Để chứng minh cho chứng cứ mình cung cấp làm căn cứ khởi kiện là đúng, nguyên đơn – bà Phạm Thị C đã yêu cầu giám định chữ viết của bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P trong các giấy mượn tiền đề ngày 24/1/2022 (DL) và giấy mượn tiền đề ngày 16/1/2023 (DL). Tại Kết luận giám định số 371/KL-KTHS, ngày 02/5/2025, Phòng K Công an tỉnh B đã kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên

Đồng Thị H, Đồng Văn P dưới mục “Người vay ký tên” và dưới mục “Bên mượn tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đúng tên Đồng Thị H, Đồng Văn P trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M11 là do cùng một người ký, viết ra”. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa bà Phạm Thị C và bà Đồng Thị H, ông Đồng Văn P có xác lập với nhau một hợp đồng dân sự vay tài sản được thể hiện bằng “Giấy mượn tiền”, trong đó thể hiện số tiền bà H, ông P đã vay của bà C là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày và ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa bà Phạm Thị C và bà Đồng Thị H, ông Đồng Văn P có xác lập với nhau một hợp đồng dân sự vay tài sản được thể hiện bằng “Giấy mượn tiền”, trong đó thể hiện số tiền bà H, ông P đã vay của bà C là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 40 ngày.

Theo nguyên đơn – bà C trình bày: Sau khi bà H và ông P nhận tiền của bà C thì bà H, ông P đã không thực hiện đúng cam kết, cụ thể là bà H, ông P không trả nợ gốc đúng hạn. Sau nhiều lần bà C liên hệ thì bà H, ông P có trả lãi nhưng chưa trả tiền gốc; thời gian gần đây bà H, ông P bỏ đi khỏi địa phương không thực hiện trả nợ cho bà C. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P không còn sinh sống tại địa phương. Sau khi đã được đăng tin thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam và B thì Tòa án không nhận được thông tin, chứng cứ từ phía bị đơn – bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P để xác định bà H, ông P đã thực hiện trả nợ gốc và lãi cho bà C. Điều đó chứng tỏ, bà H, ông P chưa trả tiền nợ vay cho bà C. Do đó yêu cầu của bà C về việc buộc bà H và ông P phải trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Theo đó cần buộc bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P phải trả cho bà Phạm Thị C số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Đ466 Bộ luật dân sự.

[3.2] Đối với yêu cầu về việc trả tiền lãi:

Bà C yêu cầu bà H, ông P phải trả lãi trên số nợ gốc 80.000.000 đồng tính từ ngày 16 tháng 01 năm 2023 đến nay theo mức lãi suất 3%/tháng. Bà C đồng ý khấu trừ số tiền 12.000.000 đồng tiền lãi mà bà H đã trả cho bà C trước đây vào số tiền lãi phải trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các giấy vay tiền đề ngày 24/11/2022 (DL) ngày 16/1/2023 (DL) không thể hiện về lãi suất. Tuy nhiên theo lời trình bày của bà C thì khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất ông P, bà H phải trả cho bà C là 5%/tháng. Các khoản tiền vay ngày 24/11/2022 và 16/1/2023 đều thể hiện thời hạn. Tuy nhiên bên vay (ông P, bà H) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi.

Về mức lãi suất: Hiện nay nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 3%/tháng là vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để xác định mức lãi suất là 20%/ năm (tương ứng với mức lãi suất 1,66%/tháng). Theo đó tiền lãi được tính như sau:

80.000.000đồng x 1,66%/tháng x 29 tháng 28 ngày (từ 16/01/2023 đến tháng 14/7/2025) = 39.879.000 đồng (Ba mươi chín triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

Số tiền lãi phát sinh từ ngày 16/01/2023 đến nay là 39.879.000 đồng. Số tiền lãi mà ông P, bà H đã trả cho bà C trong thời gian qua là 12.000.000 đồng. Như vậy, tiền lãi phải tiếp tục trả là 27.879.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là: 107.879.000 đồng (Một trăm linh bảy triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn đồng). Cần buộc bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P phải liên đới trả cho bà Phạm Thị C số tiền nợ vay là 107.879.000đồng, trong đó nợ gốc là 80.000.000đồng và nợ lãi là 27.879.000đồng.

[4] Về chi phí tố tụng:

Trong quá trình tố tụng, bà C đã nộp 3.500.000đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà C yêu cầu giải quyết nghĩa vụ chịu chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị đơn bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P vắng mặt tại địa phương không đến Tòa án làm việc để xác nhận các chứng cứ mà bà C cung cấp làm căn cứ khởi kiện nên bà C phải yêu cầu Trung tâm giám định để xác định chứng cứ mình cung cấp là đúng. Tại kết luận giám định số 371/KL-KTHS, ngày 02/5/2025, Phòng K Công an tỉnh B đã kết luận: “*Chữ ký, chữ viết mang tên Đồng Thị H, Đồng Văn P dưới mục “Người vay ký tên” và dưới mục “Bên mượn tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đồng Thị H, Đồng Văn P trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M11 là do cùng một người ký, viết ra*”. Do đó, cần buộc bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P phải trả lại số tiền chi phí giám định cho bà Phạm Thị C số tiền 3.500.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị C được chấp nhận nên bị đơn bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228; Điều 235, Điều 161, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

- Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

- Các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C về việc buộc bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P phải trả tiền nợ vay.

Buộc vợ chồng bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P phải liên đới trả cho bà Phạm Thị C số tiền nợ vay 107.879.000đồng (Một trăm linh bảy triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 80.000.000đồng và nợ lãi là 27.879.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải thanh toán cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P phải trả cho bà Phạm Thị C số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) chi phí giám định.

3. *Về án phí:* Buộc bà Đồng Thị H và ông Đồng Văn P phải liên đới nộp 5.394.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung vào Ngân sách nhà nước.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận